

Bản án số: 93/2024/DS-PT;
Ngày: 31/01/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán nhà xưởng và gia công lắp
đặt khung nhà xưởng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Ông Chu Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công K hai vụ án dân sự thụ lý 353/2023/DSST-PT ngày 06/10/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà xưởng và gia công lắp đặt khung nhà xưởng*”,

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2023/DSST-ST ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 643/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Sinh V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân số 1, Thị trấn T, Huyện H, Tỉnh B.

2. Bị đơn: Công ty CP Đầu tư B; Trụ sở: Km 14+868 Đại lộ T, xã S, huyện H1, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Chí K- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Chu Thành N– Công ty Luật TNHH T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đàm Quốc P, sinh năm 1990; Trú tại: Số X, phố N, phường P, thành phố H2, tỉnh H3.

3.2. Anh Đỗ B, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn X1, xã H4, huyện T, Thành phố Hà Nội.

3.3. Chị Lê Thanh H5, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn X3, xã S, huyện H6, Thành phố Hà Nội..

3.4. Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1992; Địa chỉ: xã X2, Thị xã S1, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, có mặt: ông Nguyễn Sinh V, Luật sư Chu Thành N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

*** Nguyên đơn - ông Nguyễn Sinh V trình bày:**

Ông biết Công ty CP Đầu tư B qua mạng xã hội cụ thể công ty này chuyên làm và bán khung nhà xưởng kết cấu thép, công ty có quảng cáo nhiều bộ khung nhà xưởng trên trang mạng xã hội, ông xem trên mạng thấy có 1 bộ khung phù hợp với nhu cầu làm nhà xưởng của ông nên ông đã đến trực tiếp công ty tại địa chỉ Km 14+868 Đại lộ T, xã S, huyện H1, thành phố Hà Nội. Tại đây ông đã gặp trực tiếp chủ tịch hội đồng quản trị là ông Nguyễn Chí K. Sau khi gặp thực tế ông K có chỉ cho ông 1 bộ khung ở trên bãi và bảo rằng bộ khung này có kích thước 40m rộng, dài 80m, cao 8m đạt tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với nhu cầu của ông, ông K cam kết khối lượng của bộ khung này là 48,522 tấn. Ông đồng ý mua bộ khung trên với giá thỏa thuận trong bảng dự toán, hai bên thống nhất ông K sẽ bán cho ông bộ khung đó với giá tiền dự toán 1.254.325.800đ, ông K cam kết khối lượng dự toán tăng giảm không quá 3%. Ngay hôm đó là ngày 13/5/2022 ông đã chuyển cho ông K số tiền 100.000.000đ (tiền đặt cọc), trong lúc chờ làm hợp đồng và làm bản vẽ chi tiết.

Ngày 27/5/2022 giữa ông với Công ty CP Đầu tư B ký hợp đồng mua bán và gia công nhà xưởng số 2705/2022/HĐMBGCLD/MR V – CKBQP/2022, nội dung của hợp đồng ông K đồng ý bán cho anh V bộ khung mà ông đã được xem và chụp ảnh tại hiện trường, trong hợp đồng có qui định đơn giá, khối lượng và cam kết của ông K là tăng cho ông K bằng gọi điện tin nhắn hoặc văn bản trong thời hạn 14 ngày thì phải giao hàng, địa chỉ giao hàng tại địa điểm của ông là ở Kim Bôi, Hòa Bình.

Ngày 27/5/2022 ông chuyển tiền cho ông K 2 lần: 1 lần 100.000.000đ, 1 lần 80.000.000đ. Ngày 28/5/2022 ông tiếp tục chuyển cho ông K số tiền 20.000.000đ. Tổng 4 lần chuyển tiền cho ông K 300.000.000đ.

Nhiều lần ông yêu cầu ông K chuyển cho ông bản vẽ nhưng ông K không gửi, đến ngày 29/6/2022 ông K cho nhân viên gửi bản vẽ và bản dự toán công trình trị giá 3.360.901.000đ nhưng ông K không đồng ý lý do nó không đúng với hợp đồng ký ngày 27/5/2022.

Ngày 30/6/2022 ông đến gặp ông K tại công ty ông K nói nhân viên bóc tách sai và ông K yêu cầu bóc tách lại ông hẹn ngày 01/7/2022 ông cho anh P là nhân viên bên ông và nhân viên của ông K cùng nhau bóc tách đưa ra khối lượng cuối cùng. Cùng ngày ông và nhân viên của ông đến gặp ông K và nhân viên của ông K, ông K đưa mọi người đến vị trí có bộ khung nhà xưởng và bảo sẽ làm nhà xưởng cho ông bằng bộ khung này, hai bên có tính sơ bộ khối lượng dựa trên kích thước thực tế đo được thì khối lượng tăng nên quá nhiều so với hợp đồng nên ông K không đồng ý và yêu cầu ông K trả lại tiền cọc, ông K không đồng ý và nhấn

cho ông nếu không lấy thì mất cọc. Hai bên trao đổi qua lại, ngày 26/6/2022 là ngày hết hạn hợp đồng ông đến công ty yêu cầu ông K giao hàng nhưng ông K không giao hàng và cũng không thanh toán lại tiền cọc cho ông, không làm biên bản giao hay nghiệm thu, sau đó ông có đơn trình báo đến Công An huyện H1 về hành vi của ông K. Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2022 về việc không báo giải quyết đơn của ông, Công an huyện H1 đã xác định sự việc của ông và Công ty CP Đầu tư B là tranh chấp dân sự.

Ngày 03/10/2022 ông đến công ty của ông K, ông K cho nhân viên của mình là ông Nguyễn Đình L giao hàng cho ông, hai bên đo đạc và nghiệm thu khối lượng tạm tính thì bộ khung ông cần mua có khối lượng 63,2 tấn, khối lượng chênh lệch so với dự toán ban đầu là 14,687 tấn tương ứng với 30,25% như vậy chênh lệch vượt quá 10 lần so với cam kết trong bản dự toán là 3% nên ông K không đồng ý nhận hàng và yêu cầu ông K thanh toán lại số tiền 300.000.000đ nhưng ông K không đồng ý và đòi lấy số tiền trên. Ông đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H1.

Ngày 30/12/2022 tại Trung tâm hòa giải của TAND huyện H1, hai bên thống nhất bên công ty của ông K phải cung cấp bản vẽ của bộ khung nhà xưởng cho ông, trong thời hạn 30 ngày phải cung cấp bản vẽ phù hợp với hợp đồng cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật thì ông sẽ nhận hàng và thanh toán nốt số tiền.

Ngày 09/02/2023 ông K cho nhân viên gửi bản vẽ qua tin nhắn Zalo nhưng bản vẽ trên không phù hợp với hợp đồng và thỏa thuận trước đó của hai bên cụ thể chiều cao không thủy nhà xưởng không đạt 8m, sai số lượng cột trong dự toán, sai kích thước chi tiết trong dự toán nên ông K không xác nhận bản vẽ. Nhiều lần ông yêu cầu ông K trả lại tiền cọc nhưng ông K không trả và có ý thách thức ông gửi đơn đến các cơ quan pháp luật.

Nguyên đơn anh V yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán và gia công nhà xưởng số 2705/2022/HĐMBGCLD/MR V – CKBQP/2022 Ngày 27/5/2022 với lý do ông K không thực hiện đúng như hợp đồng và bảng dự toán công trình, buộc ông K phải trả lại cho ông số tiền 300.000.000đ tiền cọc, tiền phạt vi phạm hợp đồng 125.484.000đ (10% trên tổng giá trị hợp đồng), tiền lãi chậm trả kể từ ngày hết hạn hợp đồng là ngày 26/6/2022 số tiền là 25.000.000đ. Tổng 450.484.000đ.

*** Bị đơn - Công ty cổ phần đầu tư B do ông Nguyễn Chí K là Chủ tịch HĐQT đại diện trình bày:**

Công ty của ông chuyên gia công và lắp đặt khung nhà, công ty của ông có quảng cáo trên mạng xã hội, anh V có đến công ty và xem 1 bộ khung có sẵn 1 phần, anh V đồng ý mua bộ khung đó, anh V đã chuyển cho ông 100.000.000đ để đặt cọc. Sau khi anh V đặt cọc thì anh V yêu cầu phía công ty ông phải có bảng dự toán và hợp đồng, phía công ty ông đã làm 1 bảng dự toán và 1 bộ hợp đồng gửi qua ZALO cho anh V, anh V tự chỉnh sửa và mang đến công ty, ông K không xem lại hợp đồng và bảng dự toán nên ông có đại diện công ty ký vào bảng dự toán và hợp đồng. Khi ký ông K không đọc nhưng ông có xem bảng dự toán và đồng ý với bảng dự toán tổng khối lượng 48,522 tấn, thành tiền 1.254.325.800đ, trong dự toán còn có điều khoản khối lượng dự toán tăng giảm không quá 3%, về phần này

anh V tự sửa so với dự toán ban đầu của công ty nên khi ký ông K không xem hết.

Sau khi công ty và anh V ký hợp đồng thì anh V tiếp tục chuyển vào tài khoản của ông số tiền 200.000.000đ, tổng số anh V chuyển tiền đặt cọc cho ông là 300.000.000đ.

Sau đó anh V và một kỹ thuật của anh V đến công ty, hai bên thỏa thuận miệng làm cho anh V nhà xưởng 4 bán mái đưa ra 4 bên nhà xưởng và cổng trời, calobi, ông có nói khối lượng như vậy là tăng thêm khoảng 15 tấn, nhưng hai bên không làm văn bản, anh V và cán bộ kỹ thuật của anh V đồng ý ngay tại công ty ông. Sau khi anh V đồng ý và yêu cầu ông phải cung cấp bản vẽ và dự toán lại cho V, khối lượng tăng lên khoảng 71 tấn, dự toán cũng tăng lên nên anh V không đồng ý và không nhận cả bộ khung mà công ty ông đã gia công, anh V yêu cầu ông phải trả lại tiền đặt cọc ông có nói số tiền tạm ứng chỉ đủ mua vật tư phụ, sơn que hàn đá cắt và trả công cho thợ gia công, anh V không đồng ý và trình báo đến công an huyện H1. Công an huyện H1 có gọi ông đến để làm việc, tại cơ quan công an ông có khai về việc hai bên có hợp đồng mua bán gia công nhà xưởng, sau một thời gian ông K không thấy Công an gọi mà Tòa án gọi, khi đó ông có trao đổi với anh V tại phòng làm việc của chị Lan A, anh V yêu cầu ông cung cấp bản vẽ để ký xác nhận xong mới thực hiện tiếp hợp đồng, ông có yêu cầu anh V lấy hàng, ông đồng ý giảm 500đ/kg cho anh V nhưng anh V cũng không đồng ý. Nay ông đồng ý gia công bộ khung như ban đầu mà công ty với anh V đã ký nhưng nó sẽ tăng khoảng 51 tấn để giao cho anh V ông yêu cầu anh V cung cấp địa chất nhưng anh V không cung cấp.

Bị đơn Công ty CP Đầu tư B do ông Nguyễn Chí Klà đại diện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh V. Ông K đề nghị Tòa án buộc anh V phải nhận hàng và thanh toán số tiền còn lại sau khi trừ đi phần đặt cọc, ông sẽ làm 1 bộ khung đúng với hợp đồng và dự toán có thể tăng thêm khoảng 51 tấn, trước khi làm bộ khung như bảng dự toán và hợp đồng, anh V phải cung cấp kết quả khảo sát địa chất tại vị trí lắp dựng, kết quả khảo sát sức gió, ông yêu cầu anh V phải ký vào bản vẽ sau đó ông mới chỉnh sửa cho đúng đủ khối lượng.

Bị đơn Công ty CP Đầu tư B do ông Nguyễn Chí Klà đại diện phản tố, yêu cầu anh V phải thanh toán cho công ty tổng số tiền là 386.000.000đ bao gồm:

- Tiền thanh toán nốt theo hợp đồng và khoản lãi chậm nhận hàng hóa theo qui định của nhà nước.
- Tiền đi lại giải quyết liên quan đến tranh chấp tố cáo, khiếu kiện 10.000.000đ.
- Tiền tổn thất tinh thần do anh V vu khống trên công an huyện, đe dọa bôi nhọ công ty trên mạng xã hội Facebook làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh.
- Tiền thuê kho bãi, mặt bằng lưu kho hàng hóa 15.000.000 đ/1 tháng.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Anh Đàm Quốc P trình bày:** Anh và anh V cùng mở công ty với nhau, anh làm về mảng kỹ thuật, vì anh làm về mảng kỹ thuật nên anh và anh V đến công ty do ông K làm giám đốc mục đích để xem và mua bộ khung nhà xưởng mà ông K là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty quảng cáo trên mạng xã hội để xem có phù hợp với công ty của anh không, giá cả, khi anh đến anh có trình bày

qua về yêu cầu kỹ thuật của bộ khung nhà xưởng mà bên anh muốn mua có chiều rộng 40m, chiều dài 80m, cao 8m không có cột giữa, thì ông K nói có bộ khung như vậy đang ở dưới xưởng và dẫn anh và anh V đi xem, khi xem thực tế bộ khung đang được sửa chữa lại có phần đã hoàn thiện có phần chưa hoàn thiện, bên ông K có cam kết khối lượng và giá cả không vượt quá 3% trên tổng dự toán, hai bên chỉ nói chứ không làm văn bản giấy tờ gì, bên anh tin tưởng và đặt cọc trước 100.000.000đ để giữ bộ khung mà anh và anh V đã xem, anh có nói hôm ký hợp đồng bên anh sẽ đặt cọc tiếp 200.000.000đ với điều kiện ông K phải có hợp đồng, bản dự toán bản vẽ đạt tiêu chuẩn chất lượng, sau đó ông K chuyển cho anh bản hợp đồng bằng File mềm, anh có sửa lại và chuyển cho công ty bằng File mềm, hôm ký hợp đồng ông K có đọc và sửa lại hợp đồng, hai bên thống nhất nội dung của bản hợp đồng và bản dự toán do ông K đưa ra, hai bên có ký hợp đồng tại công ty ông K, bản hợp đồng do kế toán của công ty ông K kê ra. Sau khi ký hợp đồng anh có yêu cầu ông K phải đưa bản vẽ đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo đúng thỏa thuận hôm trước nhưng ông K nói chưa có và hẹn 2 ngày sau sẽ chuyển bản vẽ cho. Khi ký hợp đồng anh V có chuyển tiền cho ông K số tiền cọc 180.000.000đ, hôm sau anh V chuyển tiếp 20.000.000đ, tổng là 300.000.000đ. Nhiều lần anh và anh V đòi ông K bản vẽ nhưng ông K không cung cấp, sau 1 tháng anh và anh V đến làm việc với ông K, yêu cầu ông K phải cung cấp đầy đủ bản vẽ theo hợp đồng, ông K lại hứa hẹn sau đó ông K chuyển cho anh V bản dự toán khác, tổng dự toán hơn 3 tỷ đồng, anh và anh V không đồng ý. Sau đó ông K dẫn anh và anh V xem 1 bộ khung khác và nói sẽ làm bộ khung đó cho anh V, anh và nhân viên của bên ông K có đo và tính nhằm khối lượng thấy bộ khung đó vượt quá nhiều về khối lượng so với khối lượng dự toán ban đầu hai bên đã ký nên anh và anh V không đồng ý và yêu cầu ông K trả lại tiền cọc 300.000.000đ. Số tiền anh V đặt cọc là tiền riêng của anh V, anh không có tiền đưa cho anh V, bộ khung sắt anh và anh V xem ban đầu và bộ khung xem lần sau không giống nhau. Trường hợp ông K cung cấp bộ khung như bộ khung ban đầu có khối lượng 51 tấn và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì anh và anh V sẽ nhập, nhưng qua tìm hiểu với cán bộ kỹ thuật của công ty ông K và tham khảo 1 số nơi khác thì với khối lượng mà ông K đã ghi trong dự toán ban đầu là không thể làm được bộ khung nhà xưởng theo đúng yêu cầu của bên anh là rộng 40m, dài 80m, cao 8m và không có cột giữa. Nay anh V có đơn khởi kiện và buộc công ty Cổ phần Đầu tư B phải thanh toán tiền cọc, tiền phạt và tiền lãi anh hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì.

- **Anh Nguyễn Đình L trình bày:** Anh là nhân viên của công ty Cổ phần Đầu tư B. Công ty anh chuyên về mặt hàng kết cấu thép trong đó công ty có làm gia công bộ khung nhà xưởng, thỉnh thoảng có quảng cáo trên mạng xã hội. Anh V biết và đến công ty để đặt gia công 01 bộ khung nhà xưởng. Khi anh V đến công ty anh thì anh là người trực tiếp dẫn anh V đi thăm quan nhà xưởng và không chỉ vào bộ khung nào trên bãi tập kết của công ty. Sau đó anh V về để tham khảo, sau vài ngày anh V có đến công ty đặt vấn đề muốn gia công 01 bộ khung kích thước 40x80, công ty đồng ý và hai bên tiến hành soạn hợp đồng, công ty anh soạn trước và gửi cho anh V, anh V xem, sửa lại và ký chuyển về cho công ty anh đóng dấu, sau đó anh V có đặt cọc còn đặc cọc số tiền bao nhiêu anh không biết. Sau khi ký hợp đồng công ty anh có gia công theo đúng dự toán của hợp đồng nhưng trong quá trình gia công anh V đề nghị cột cao trên 2m từ 6m lên 8m, anh

trực tiếp sửa lại dự toán bán đầu và yêu cầu bên thi công làm bộ khung đúng như anh V đã yêu cầu nên dự toán tăng từ 53 tấn lên 59 tấn. Anh V không đồng ý, công ty anh đã gia công xong 70% bộ khung nhà như anh V yêu cầu, sau khi công ty anh trao đổi với anh V thì bên phía công ty của anh V chưa xin được cấp phép làm nhà xưởng nên công ty lùi tiến độ lại khoảng 1 tháng rưỡi, công ty đề nghị anh V hỗ trợ tiền bến bãi, nhà xưởng và tiền lãi ngân hàng nhưng anh V không đồng ý. Sau đó anh V làm đơn đến công an huyện rồi đến Tòa án từ đó đến nay hai bên vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Bộ khung hiện nay vẫn còn ở công ty, chiều rộng 40m, chiều dài 80m và có 02 hàng cột, dự toán ban đầu có 03 hàng cột, khi gia công một bộ là 02 hàng cột theo yêu cầu của anh V.

Nay quan điểm của anh yêu cầu anh V phải lấy bộ khung nhà xưởng, thanh toán nốt tiền của bộ khung vì anh V mới đặt cọc và chịu các loại phí liên quan đến bến bãi, nhân công, vận chuyển đi lại, tiền tổn thất uy tín của công ty như công ty yêu cầu.

- **Anh Đỗ B trình bày:** Anh là nhân công của công ty Cổ phần Đầu tư B, còn anh V là khách hàng, anh bên sản xuất, anh L bên kỹ thuật, anh làm nhân công K hoán theo khối lượng của công ty chứ không phải là người của công ty, khi công ty cần làm việc gì thì gọi anh đến để giao khoán công việc, trong đó anh có được công ty giao khoán cho công việc làm nhà xưởng cho anh V. Anh gia công trên cơ sở dự toán của công ty, yêu cầu anh làm thế nào thì anh làm như vậy, bộ khung bà anh V đặt của công ty hiện tại anh đã làm xong và đặt tại nhà xưởng, anh đã được công ty thanh toán một phần số tiền của bộ khung nói trên, còn việc anh V ký hợp đồng và đặt cọc số tiền với công ty như thế nào anh không biết.

- **Chị Lê Thanh H5 trình bày:** Tôi là kế toán viên của công ty Cổ phần Đầu tư B, còn ông Nguyễn Sinh V là khách hàng. Công ty tôi chuyên về mặt hàng kết cấu thép trong đó công ty có làm gia công bộ khung nhà xưởng, anh V đến công ty làm việc và chốt số lượng, khối lượng bộ khung nhà xưởng với bên kỹ thuật, sau khi chốt xong và ký hợp đồng, tôi là người soạn thảo hợp đồng theo mẫu của công ty, sau đó tôi gửi cho anh V, anh V sửa lại và gửi cho công ty, công ty ký đóng dấu, sau khi anh V chốt lấy 1 bộ khung của công ty tôi gia công theo kích thước nhà xưởng 40x80, anh V đã chuyển tiền đặt cọc tổng số tiền 300.000.000đ chuyển khoản chứ không đặt cọc bằng tiền mặt, đây là hợp đồng trước thuế nên tiền đặt cọc thống nhất chuyển vào tài khoản cá nhân của giám đốc, hiện tại số tiền này đã vào sổ sách của công ty, ngoài số tiền đặt cọc anh V chưa chuyển 1 khoản tiền nào nữa cho công ty, hiện tại bộ khung mà anh V đặt công ty đã làm xong, hiện tại vẫn đang ở bãi của công ty, lý do tại sao anh V không nhận bộ khung tôi không biết lý do, việc này bên kỹ thuật nắm được, còn tôi bên kế toán không nắm được. Nay tôi yêu cầu anh V phải lấy bộ khung nhà xưởng, thanh toán nốt tiền của bộ khung vì anh V mới đặt cọc và chịu các loại phí liên quan đến bến bãi, nhân công, vận chuyển đi lại, tiền tổn thất uy tín của công ty tổng số tiền là 386.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2023/DS- ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện H đã Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sinh V; Tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán và gia công lắp dựng khung nhà xưởng số 27052022/HĐMBGCLD/MD V – CKBQP/2022.

Buộc Công ty CP Đầu tư B phải thanh toán cho ông Nguyễn Sinh V tổng số tiền là 455.484.140đ (Bốn trăm năm năm triệu bốn trăm tám tư nghìn một trăm bốn mươi đồng), Trong đó tiền cọc là 300.000.000đ, tiền phạt 125.484.140đ, tiền lãi 30.000.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty CP Đầu tư B . Công ty CP Đầu tư B có quyền khởi kiện lại yêu cầu phản tố.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Chí K kháng cáo .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên tất cả các ý kiến đã trình bày và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn do Luật sư Chu Thành N đại diện trình bày: Bị đơn giữ nguyên quan điểm kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng. Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng khi không xác định tất cả những người đại diện theo pháp luật của bị đơn là người tham gia tố tụng. Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm ghi sai sự thật khi xem xét, thẩm định tại chỗ. Thứ tư, bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vô hiệu là trái quy định của pháp luật. Thứ năm, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Luật Thương mại là trái quy định, trong hợp đồng các bên đều thỏa thuận áp dụng Luật Thương mại. Bị đơn đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 11/8/2020) thì người đại diện theo pháp luật của công ty Cổ phần Đầu tư B gồm có ông Phùng Chí K – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Văn T – Tổng giám đốc. Cấp sơ thẩm chỉ xác định một mình ông K là đại diện theo pháp luật của công ty là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020. Ông T không có văn bản ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng. Ông K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dẫn đến yêu cầu phản tố của công ty bị đình chỉ là thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của công ty. Yêu cầu phản tố này cần được giải quyết đồng thời với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mới đảm bảo đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Do vậy, đề nghị áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu cũ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chí K- Công ty CP Đầu tư B trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được coi là hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1.1]. Về số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn:

Các đương sự thừa nhận ngày 27/5/2022 ông Nguyễn Sinh V và Công ty Công ty CP Đầu tư B do ông Nguyễn Chí K- Chủ tịch hội đồng quản trị ký Hợp đồng mua bán và gia công lắp dựng khung nhà xưởng số 27052022/HĐMBGCLD/MR V – CKBQP/2022 nội dung của hợp đồng: bên anh V đồng ý mua bộ khung xưởng cũ của bên B, bên A giao cho bên B thi công lắp đặt khung nhà xưởng đã qua sử dụng (Khung, kèo, cột, xà gồ....) được sơn lại với diện tích 3.200m², diện tích nhà xưởng 40mx 80m = 3.200m² với đơn giá theo tạm tính. Giá trị của hợp đồng tạm tính 1.254.841.400đ. Giá trị thanh toán sẽ được căn cứ vào khối lượng cân thực tế. Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Bên B gia công tại bãi của bên B. Địa điểm lắp đặt tại công trình bên A ở tỉnh H. Thời hạn hợp đồng 60 ngày kể từ ngày ký.

Cùng với hợp đồng thì hai bên có ký bảng dự toán công trình bao gồm các hạng mục như sau;

- Khung nhà xưởng bao gồm:

Cột biên i500x200, đơn vị tính kg, số lượng 22CK, trọng lượng tạm tính 9,856kg, đơn giá 25.500đ thành tiền 251.328.000đ.

Kèo chính i700x700, đơn vị tính kg; số lượng 08 bộ, trọng lượng tạm tính 19.666kg, đơn giá 25.500đ thành tiền 501.483.000đ.

Kèo hồi i300x150, đơn vị tính kg; số lượng 02CK, trọng lượng tạm tính 2.048kg, đơn giá 25.500đ thành tiền 52.224.000đ.

Cột hồi H200, đơn vị tính kg, số lượng 4CK, trọng lượng tạm tính 1.996kg, đơn giá 25.500đ thành tiền 50.898.000đ.

Xà gồ mái + thung, đơn vị tính kg, số lượng 500 cây, trọng lượng tạm tính 914.440kg, đơn giá 25.500đ thành tiền 368.220.000đ.

- Bulong:

Bulong móng M27, đơn vị tính kg, số lượng 104con, trọng lượng tạm tính 354kg, đơn giá 33.000đ thành tiền 11.668.800đ.

Bulong liên kết M20, M12, ty giằng, đơn vị tính kg, số lượng 1000 bộ, trọng lượng tạm tính 162kg, đơn giá 42.000đ thành tiền 6.804.000đ.

Nhân công đặt bulong móng, đơn vị tính Mô, số lượng 0, trọng lượng tạm tính 26kg, đơn giá 450.000đ thành tiền 11.700.000đ.

Tổng 1.254.325.800đ (Một tỷ hai trăm năm tư triệu ba trăm hai năm nghìn tám trăm đồng)

Đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Đơn giá đã bao gồm vận chuyển, lắp đặt kết cấu khung nhà xưởng,

Khối lượng dự toán tăng giảm không quá 3%.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh V đã đặt cọc cho công ty số tiền 300.000.000đ (13/5/2022 đặt 100 triệu đồng; ngay sau khi ký hợp đồng đặt 200 triệu đồng (Điều 2) và yêu cầu bên công ty phải có bản vẽ thi công trong hạn 30 ngày kể từ ngày ký nhưng công ty không cung cấp (Điều 3 hợp đồng). Cho đến khi anh V khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện H (đơn khởi kiện ngày 14/02/2023) thì ngày 09/2/2023 bên phía công ty mới cung cấp bản vẽ thi công, tuy nhiên trong bản vẽ thi công K không phù hợp với dự toán trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết: sai số cột, trong dự toán, sai kích thước chi tiết trong dự toán và chiều cao tkhông thủy nhà xưởng không đạt 8m như hai bên đã thỏa thuận. Tại biên bản nghiệm thu ngày 3/10/2022 thì khối lượng của bộ khung nhà xưởng là 63.200 tăng hơn so với dự toán ban đầu là 13 tấn tương ứng với 30,25%; chênh lệch vượt quá 10 lần so với cam kết trong bản dự toán là 3%. Mặt khác ông K đại diện công ty cho rằng bộ khung anh V đặt công ty ông làm trước đó công ty ông đã làm. Nhưng khi hội đồng thẩm định đến công ty để xem xét thẩm định bộ khung mà ông K cho rằng đang hoàn thiện để lắp đặt nhà xưởng cho anh V, nhưng tại công ty hội đồng xem xét thẩm định không thấy bộ khung nhà xưởng nào ở công ty của ông K . Như vậy sau khi không thỏa thuận được như trong hợp đồng gia công và bảng dự toán thì phía công ty không gia công nữa.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần phải xác định giao dịch dân sự giữa các bên được chấm dứt và giải quyết hậu quả của việc chấm dứt giao dịch dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán và gia công nhà xưởng số 2705/2022/HĐMBGCLD/MR V – CKBQP/2022 là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên, cụ thể: Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng mua bán và gia công nhà xưởng số 2705/2022/HĐMBGCLD/MR V – CKBQP/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng mà nguyên đơn đã đặt cọc để thực hiện hợp đồng.

[2.1.2]. Về yêu cầu số tiền phạt 10% giá trị của hợp đồng là 125.484.140 đồng:

HĐXX xét thấy; tại điều 9 của hợp đồng hai bên đã ký kết nếu bên nào vi phạm sẽ bị phạt 10% giá trị của hợp đồng.

Như đã phân tích nêu trên phía công ty Cổ phần Đầu tư B là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng, cụ thể phía công ty không lắp đặt gia công nhà xưởng cho anh V theo đúng qui cách, số lượng ghi trong hợp đồng và bảng dự toán là 48.522kg và không vượt quá 3%, phía công ty Cổ phần Đầu tư B cho rằng đã gia công nhà xưởng cho anh V và căn cứ vào biên bản nghiệm thu ngày 03/10/2022 thì khối lượng của bộ khung nhà xưởng là 63.200 tăng hơn so với dự

toán ban đầu là 13 tấn tương ứng với 30,25%; chênh lệch vượt quá 10 lần so với cam kết trong bản dự toán là 3%. Như vậy phía công ty Cổ phần Đầu tư B là bên vi phạm hợp đồng và phải chịu tiền phạt là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.1.3]. Về yêu cầu đòi số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền mà nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn:

HĐXX xét thấy: Trong hợp đồng mua bán và gia công nhà xưởng được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên không có thỏa thuận về số tiền lãi 10% đối với số tiền đặt cọc mà chỉ thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 10% giá trị hợp đồng. Như đã phân tích ở trên, Tòa án xác định bị đơn có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được nên đã chấp nhận yêu cầu đòi số tiền phạt hợp đồng tương ứng với 10% giá trị hợp đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu đòi số tiền lãi 10%/năm với số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền mà nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn là 30.000.000 đồng.

[2.1.4]. Về việc bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa toàn bộ những người đại diện theo pháp luật của bị đơn vào tham gia tố tụng trong vụ án:

Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Chí Kvà Luật sư Chu Thành N có ý kiến đề nghị Tòa án xác định ông Nguyễn Văn T – Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư B là người tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, Tòa án cũng nhận được các đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T về cùng các nội dung nêu trên.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là: 0107967375, đăng ký lần đầu ngày 17/8/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/8/2020 thì Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản xây dựng và thương mại Điện tử CKBQP có 02 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Chí Kvà ông Nguyễn Văn T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định:

“Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Tại cấp phúc thẩm, ông K và ông T không xuất trình được tài liệu thể hiện Điều lệ công ty đang có giá trị pháp lý có quy định về việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Như vậy, ông K và ông T đều là đại

diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba. Từ đó, HĐXX xác định ông K có đầy đủ năng lực đại diện cho bị đơn thực hiện việc giao kết hợp đồng với ông Nguyễn Sinh V cũng như đại diện cho bị đơn khi tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông Nguyễn Văn T là người tham gia tố tụng trong vụ án như bị đơn nêu là không trái với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Trường hợp ông T cho rằng ông K gây ra thiệt hại cho doanh nghiệp khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[2.1.5]. Về yêu cầu phản tố của của bị đơn là công ty Cổ phần Đầu tư B yêu cầu anh V phải thanh toán các khoản chi phí đi lại, tiền tổn thất tinh thần. Tổng là 386.000.000 đồng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Đầu tư B là ông Nguyễn Chí Kvắng mặt không có lý do. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu phải tố của Công ty CP Đầu tư B là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ngoài ra, do đình giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn nên số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

Án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2 Điều 308; Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 328, Điều 422, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty CP Đầu tư B, sửa bản án sơ thẩm 57/2023/DSST-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sinh V; Tuyên bố chấm dứt hợp đồng mua bán và gia công lắp dựng khung nhà xưởng số 27052022/HĐMBGCLD/MD V – CKBQP/2022 ngày 27/5/2022.

Buộc Công ty CP Đầu tư B phải thanh toán cho ông Nguyễn Sinh V số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng và số tiền phạt hợp đồng là 125.484.140 đồng, tổng

số tiền là 425.484.140đ (Bốn trăm năm năm triệu bốn trăm tám tư nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền mà nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn là 30.000.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty CP Đầu tư B .

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty CP Đầu tư B phải chịu 21.019.300 đồng (hai mươi một triệu không trăm mười chín nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà Công ty CP Đầu tư B là 9.650.000đ(Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016512 ngày 19/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H1, TP Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Sinh V phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Sinh V đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000đ (mười một triệu đồng)theo biên lai thu tiền số 0016476 ngày 09/5/2023 và biên lai số 0016512 ngày 19/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H1, thành phố Hà Nội. Hoàn trả ông Nguyễn Sinh V số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty CP Đầu tư B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0016671 ngày 14/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H1, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 31/01/2024./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H1;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện H1;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Toàn Giang